

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN T  
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HSST  
Ngày : 21/02/2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Huỳnh Hoàng Phương;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Hồ Lê Hưng;  
2/ Bà Phan Thị Diệu Hoa;

*Thư ký phiên tòa:* ông Hoàng Mạnh Hải là Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H;

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H tham gia phiên tòa:* bà Phan Ngọc Minh là Kiểm sát viên;

Hôm nay, ngày 21 tháng 02 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 166/2019/HSST ngày 02 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **TRẦN ĐĂNG H**; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1978 tại B; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 265/30/30 T, phường T, Quận M, Thành phố H; Chỗ ở: 33 đường TTN02, tổ 65A, khu phố 6, phường T, Quận M, Thành phố H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Trần Đăng C và bà Phạm Thị P; Vợ: Lê Thị Q, sinh năm 1983; Con: có 01 con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/8/2019;

(bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại: chị Trần Thị M, sinh năm: 1985 ngụ tại 84/12 T, phường T, quận T, Thành phố H;

(vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 45 phút ngày 14/8/2019, Trần Đăng H điều khiển xe Honda Vision màu đỏ biển số 59X2-87246 hướng từ hẻm 84 T ra đường T. Khi đến trước tiệm tạp hóa tại địa chỉ số 84/12 T, phường T, quận T của chị Trần Thị M thì H nảy sinh ý định giả vờ hỏi mua rồi chiếm đoạt thuốc lá của chị M nên H dừng xe trước cửa tiệm và nói chị M bán hai cây thuốc lá hiệu 555 loại Anh. Sau khi chị M lấy 02 cây thuốc lá hiệu 555 loại Anh bỏ vào túi ni lông màu xanh, cầm trên tay phải đi ra trước

cửa tiệm đưa cho H (cách H khoảng 0,5 mét) và nói giá tiền là 740.000 (bảy trăm bốn mươi ngàn) đồng. H đưa tay trái cầm lấy túi nilông đựng 2 cây thuốc lá. Trong khi chị M đứng đợi H đưa tiền thì bất ngờ H mở khóa xe, nổ máy và tăng ga bỏ chạy. Chị M tri hô và chạy bộ đuổi theo đến ngã ba hẻm 84/6 và hẻm 84 T thì thấy H va chạm với xe gắn máy khác làm H và xe ngã xuống đường. Chị M cùng người dân bắt quả tang H cùng túi nilông bên trong đựng 02 cây thuốc lá hiệu 555 giao Công an phường T, quận T xử lý.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Đăng H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập. Ngoài ra H cho biết H bị mắc bệnh trầm cảm nặng nên không có việc làm, bản thân H nghiện thuốc lá nhưng gia đình ngăn cấm không cho hút. Vào ngày 14/8/2019, trong lúc H điều khiển xe máy đi xin việc làm, do thèm thuốc không có tiền để mua nên nảy sinh ý định ghé vào tiệm tạp hóa dọc đường giả vờ hỏi mua thuốc rồi cướp giật để lấy hút.

Theo Kết luận định giá tài sản số 310 ngày 31/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân quận T: vào thời điểm ngày 14/8/2019, 02 cây thuốc lá hiệu 555, tài sản chưa qua sử dụng, trị giá 700.000 (bảy trăm ngàn) đồng.

**\* Về phần dân sự:** chị Trần Thị M không yêu cầu bồi thường thiệt hại. Đồng thời khi biết H bị mắc bệnh trầm cảm làm hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi chị M có đơn yêu cầu không xử lý hình sự đối với H.

**\* Vật chứng thu giữ:**

- Một (01) túi nilông bên trong có 02 cây thuốc lá hiệu 555 loại Anh. Chị khai mua của một thanh niên bán thuốc lá dạo (chưa rõ lai lịch) để bán lại cho khách nên chị M không rõ nguồn gốc xuất xứ của 02 cây thuốc lá trên;

- Một (01) xe gắn máy hiệu Honda Vision biển số 59X2-87246 màu đỏ có số khung: 5802EY415107, số máy: JF58E0300690. Hữu mua của một người thanh niên (chưa rõ lai lịch) trên mạng internet vào năm 2018 với giá khoảng 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Qua xác minh xe trên mạng biển số giả, biển số thật là 74C1-27437 do chị Dương Thị Quỳnh G đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc chị G cho biết khoảng năm 2017 chị đã bán xe cho một người chưa rõ lai lịch. Chị G không có ý kiến gì về chiếc xe trên. Hiện Cơ quan điều tra đang đăng báo tìm chủ sở hữu;

Đối với biển số 59X2-87246 do chị Nguyễn Nghĩa Thanh T đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc chị T cho biết vẫn đang sử dụng xe bình thường, chưa bị mất xe hay biển số xe lần nào;

- Một (01) điện thoại di động hiệu Nokia 230 màu đen có số Imei 1: 354882083219280 và số Imei 2: 354882083219298, Hữu sử dụng liên lạc cá nhân;

- Một (01) điện thoại di động hiệu Samsung màu đen có số Imei: 357330072578172, H sử dụng liên lạc cá nhân;

Các vật chứng trên hiện đang nhập kho vật chứng theo Phiếu nhập kho số 218 ngày 14/8/2019 của Công an quận T, Thành phố H.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 25 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H đã truy tố bị cáo Trần Đăng H về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, q Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65; điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Trần Đăng H mức án tù 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, đồng thời đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Bị cáo Trần Đăng H nói lời sau cùng: bị cáo rất hối hận về việc làm của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất và xin hưởng án treo để bị cáo có cơ hội sửa sai, làm lại cuộc đời.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận T, Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với kết luận điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra, bản cáo trạng của Viện kiểm sát, lời khai của những người liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã có hành vi sử dụng xe gắn máy là nguồn nguy hiểm cao độ giả vờ là người mua hàng tiếp cận, chiếm đoạt hai cây thuốc lá hiệu 555 tại cửa hàng tạp hóa của chị Trần Thị M tại địa chỉ số 84/12 T, phường T, quận T rồi nhanh chóng tẩu thoát đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” thuộc trường hợp “dùng thủ đoạn nguy hiểm” theo điểm d Khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Theo Kết luận giám định pháp y tâm thần số 4952 của Trung tâm giám định pháp y tâm thần khu vực Thành phố H kết luận:

“2.1 Về y học: Trước, trong và sau khi phạm tội ngày 14/8/2019 cho đến hiện tại, bị can Trần Đăng H có bệnh rối loạn trầm cảm tái diễn, hiện thời giai đoạn trầm cảm trung bình (F33.1-ICD10).

2.2 Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Trước, trong và sau khi phạm tội ngày 14/8/2019 cho đến hiện tại, bị can Trần Đăng H hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi”

Mặc dù tại thời điểm phạm tội bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, tuy nhiên bị cáo vẫn biết được hành vi cướp giật tài sản của người khác bị pháp luật ngăn cấm và bị trừng trị nhưng do động cơ tham lam, chỉ muốn thỏa mãn nhu cầu cá nhân nên đã cố tình thực hiện tội phạm một cách liều lĩnh, bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết có một hình phạt đối với bị cáo nhằm mục đích giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nó vừa trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu, quản lý tài sản hợp pháp của công dân được Nhà nước và pháp luật bảo hộ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có;

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội trong trường hợp là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị hại có đơn đề nghị không xử lý hình sự đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm h, q, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo;

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có tiền sử bị bệnh tâm thần, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên nghĩ không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù mà nghĩ cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo không tái phạm đồng thời tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa sai, làm lại cuộc đời, tiếp tục điều trị bệnh và cũng thể hiện tính nhân đạo của Nhà nước và pháp luật đối với người phạm tội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào Khoản 5 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt một khoản tiền bổ sung. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu nên miễn cho bị cáo;

[5] Về xử lý vật chứng:

- Một (01) túi ni lông bên trong có 02 cây thuốc lá hiệu 555 loại Anh. Chị M khai mua của một thanh niên bán thuốc lá dạo (chưa rõ lai lịch) để bán lại cho khách nên chị M không rõ nguồn gốc xuất xứ của 02 cây thuốc lá trên. Hội đồng xét xử xét thấy đây là hàng hóa thuộc diện hạn chế lưu hành, không rõ nguồn gốc, xuất xứ nên tịch thu tiêu hủy;

- Một (01) xe gắn máy hiệu Honda Vision biển số 59X2-87246 màu đỏ có số khung: 5802EY415107, số máy: JF58E0300690. Bị cáo H khai mua của một người thanh niên (chưa rõ lai lịch) trên mạng internet vào năm 2018 với giá khoảng 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Qua xác minh xe trên mang biển số giả, biển số thật là 74C1-27437 do chị Dương Thị Quỳnh G đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc chị G cho biết khoảng năm 2017 chị đã bán xe cho một người chưa rõ lai lịch. Chị G không có ý kiến gì về chiếc xe trên. Hội đồng xét xử xét thấy chiếc xe có nguồn gốc không rõ ràng, cần giao cho Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố H thông báo tìm chủ sở hữu trong một khoảng thời gian nhất định, quá thời hạn mà không có người đến nhận thì lập thủ tục sung quỹ Nhà nước;

Đối với biển số 59X2-87246 do chị Nguyễn Nghĩa Thanh T đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc chị T cho biết vẫn đang sử dụng xe bình thường, chưa bị mất xe hay biển số xe lần nào. Hội đồng xét xử xét thấy chiếc biển số trên là vật chứng của vụ án, hiện không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy;

- Một (01) điện thoại di động hiệu Nokia 230 màu đen có số Imei 1: 354882083219280 và số Imei 2: 354882083219298 và một (01) điện thoại di động hiệu Samsung màu đen có số Imei: 357330072578172 thu giữ của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tài sản riêng của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo;

(Tình trạng vật chứng theo Phiếu nhập kho số 218 ngày 14/8/2019 của Công an quận T, Thành phố H)

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ nêu trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Trần Đăng H phạm tội “Cướp giật tài sản”.

\* Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 171; điểm h, q, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo:

**Trần Đăng H** 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, Quận M, Thành phố H để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Trả tự do cho bị cáo Trần Đăng H ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam trong vụ án nào khác;

Miễn khoản tiền phạt bổ sung cho bị cáo;

\* Áp dụng Điều 106, Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Giao một (01) xe gắn máy hiệu Honda Vision biển số 59X2-87246 màu đỏ có số khung: 5802EY415107, số máy: JF58E0300690 cho Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố H thông báo tìm chủ sở hữu trong thời hạn 06 tháng, quá thời hạn mà không có người đến nhận thì lập thủ tục sung quỹ Nhà nước;

Tịch thu tiêu hủy một chiếc biển số 59X2-87246;

Trả cho bị cáo Trần Đăng H một (01) điện thoại di động hiệu Nokia 230 màu đen có số Imei 1: 354882083219280 và số Imei 2: 354882083219298 và một (01) điện thoại di động hiệu Samsung màu đen có số Imei: 357330072578172;

(Tình trạng vật chứng theo Phiếu nhập kho số 218 ngày 14/8/2019 của Công an quận T, Thành phố H)

Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo; người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố H trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt, niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật;

(Hội đồng xét xử đã giải thích chế định án treo)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Công an quận T;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- TAND TP. H;
- Phòng PC27 CATP.H;
- UBND phường T, Quận M, Tp. H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Phan Huỳnh Hoàng Phương**